



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2024 - 2025
Khoa: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0714001688	Tự luận	90'		x	
2	Kỹ thuật thủy lực - khí nén (CĐT)	0714002291	Tự luận	90'		x	
3	Lập trình PLC (ĐĐT)	0714002287	Tự luận	90'		x	
4	Trang bị điện (ĐCN)	0714000295	Tự luận	90'		x	
5	Tự động hóa quá trình công nghệ (TĐH)	0714002720	Tự luận	90'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Điện tử cơ bản (CĐT, ĐĐT)	0714001670	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Máy điện (ĐCN)	0714002072	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (T5)							
1	Cung cấp điện (ĐCN)	0718001020	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử cơ bản (ĐCN)	0718001181	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Máy điện (ĐCN)	0718001074	Tự luận	90'		x	
4	Trang bị điện (ĐCN)	0718001018	Tự luận	60'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn điện (ĐĐT)	0714001667	Trắc nghiệm	60'		x	
2	An toàn lao động (CĐT, TĐH)	0714002137	Tự luận	90'		x	
3	Cung cấp điện (ĐCN)	0714001076	Tự luận	90'		x	
4	Điện tử cơ bản (CĐT, ĐĐT, ĐCN, TĐH)	0714003717	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Khí cụ điện (ĐCN, ĐĐT)	0714001669	Tự luận	90'		x	
6	Mạch điện (CĐT, ĐCN, ĐĐT)	0714001070	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
7	Trang bị điện (ĐĐT)	0714001683	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cung cấp điện (ĐCN)	0211000236	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử công suất (ĐĐT)	0211000039	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kỹ thuật số (ĐĐT)	0211000091	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Trang bị điện (ĐĐT, TĐH)	0211000295	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Điện công nghiệp (ĐCN)	0204000035	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử công nghiệp (CĐT, ĐĐT)	0204000033	Tự luận	90'		x	
3	Điện tử tương tự (ĐĐT)	0204001291	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Kỹ thuật điều khiển tự động (TĐH)	0204000373	Tự luận	90'		x	
5	Lập trình PLC (CĐT)	0204001287	Tự luận	90'		x	
6	Tính toán và Sửa chữa máy điện (ĐCN)	0204000377	Tự luận	90'	x		
7	Truyền động điện và ứng dụng (ĐĐT)	0204000239	Tự luận	90'		x	
8	Tự động hóa quá trình công nghệ (ĐCN)	0204000212	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH DOANH NGHIỆP (C8)							
1	Cung cấp điện (ĐCN)	0223000236	Tự luận	90'		x	
2	Trang bị điện (ĐCN)	0223000295	Tự luận	90'		x	

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Văn Đệ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/ 2024 - 2025
Khoa: XÂY DỰNG - NHIỆT LẠNH

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kết cấu bê tông - cốt thép (KXD)	0714002375	Tự luận	90'		x	
2	Kết cấu thép (KXD)	0714002380	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn lao động (KXD)	0714001820	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Địa chất, cơ đất, nền móng (KXD)	0714002098	Tự luận	90'	x		
3	Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét (KXD)	0714002104	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Kỹ thuật điều hòa không khí (VSL)	0714001656	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Máy và thiết bị lạnh (KML)	0714002293	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Trang bị điện hệ thống lạnh (VSL)	0714001655	Tự luận	90'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cơ sở kỹ thuật điện(KML, LĐL, VSL)	0714001084	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Cơ sở kỹ thuật lạnh (KML, LĐL, VSL)	0714002204	Tự luận	90'	x		
3	Địa chất, cơ đất, nền móng (KXD)	0714002098	Tự luận	90'	x		
4	Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét (KXD)	0714002104	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Máy và thiết bị lạnh (KML, LĐL, VSL)	0714002293	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Nhiệt động kỹ thuật(KML, LĐL, VSL)	0714003673	Tự luận	90'	x		
7	Sức bền vật liệu (KXD)	0714003678	Tự luận	90'		x	
8	Trắc địa đại cương (KXD)	0714001908	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Trang bị điện hệ thống lạnh (KML, LĐL, VSL)	0714002297	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
10	Vật liệu xây dựng (KXD)	0714001909	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Vẽ kỹ thuật (KXD)	0714002006	Tiểu luận				
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	CAD ứng dụng chuyên ngành (CNL, KML)	0211002218	Thi trên máy tính	90'	x		
2	Cơ sở kỹ thuật lạnh (CNL, KML)	0211001346	Tự luận	90'	x		
3	Kỹ thuật điều hòa không khí (CNL, KML)	0211000706	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Máy và thiết bị lạnh (KML, VSL)	0211002135	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Tính toán thiết bị trao đổi nhiệt (CNL)	0211002411	Tự luận	90'	x		
6	Trang bị điện hệ thống lạnh (CNL, KML)	0211001347	Tự luận	90'		x	
7	Trắc địa đại cương (KXD)	0211002066	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Vật liệu xây dựng (KXD)	0211001803	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Bơm, quạt, máy nén (LĐL)	0204000016	Trắc nghiệm	60'		x	
2	CAD ứng dụng chuyên ngành (CNL, VSL)	0204002218	Thi trên máy tính	90'	x		
3	Công nghệ bơm nhiệt và ứng dụng (KML)	0204002209	Tự luận	90'	x		
4	Địa chất, cơ đất, nền móng (KXD)	0204003210	Tự luận	90'	x		
5	Kết cấu thép (KXD)	0204002380	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Kỹ thuật điều hòa không khí (CNL)	0204001930	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Kỹ thuật lạnh thực phẩm (KML)	0204000087	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Kỹ thuật sấy (CNL)	0204000090	Tự luận	90'	x		
9	Kỹ thuật thi công (KXD)	0204002382	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Nhà máy nhiệt điện (CNL)	0204002415	Tự luận	90'	x		
11	Thiết kế kiến trúc (KXD)	0204002108	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
12	Thông gió và xử lý khí thải (LĐL)	0204002417	Trắc nghiệm	60'		x	
13	Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh (KML)	0204002726	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Tự động hóa hệ thống lạnh (LĐL)	0204001440	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1 /2024 - 2025
Khoa: CƠ KHÍ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Công nghệ chế tạo dụng cụ 2 (CTM)	0714003405	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Công nghệ chế tạo máy (CCK)	0714001648	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kỹ thuật chế tạo 2 (CKC)	0714001882	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Lập trình CNC (CCK, CKC)	0714001639	Thi trên máy tính	120'		x	
5	Máy cắt kim loại (CKC)	0714001652	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0714001625	Tự luận	90'	x		
2023 TRUNG CẤP (T2)							
1	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0713001641	Tự luận	90'	x		
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Dụng sai - Kỹ thuật đo (CTM)	0714001870	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Vật liệu học (CCK)	0714001088	Trắc nghiệm	60'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn lao động (CCK)	0714001068	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Dụng sai - Kỹ thuật đo (CCK, CKL)	0714001870	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Nguyên lý - Chi tiết máy (CĐT)	0714001077	Tự luận	90'	x		
4	Vật liệu học (CCK, CKL)	0714001088	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Vẽ kỹ thuật (CCK, CKL)	0714002138	Tự luận	120'		x	
6	Vẽ kỹ thuật (CĐT)	0714001078	Tự luận	60'	x		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Các phương pháp gia công cơ khí hiện đại (CTM)	0211002420	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Công nghệ chế tạo máy (CCK)	0201000861	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Nguyên lý - Chi tiết máy (CCK)	0201001253	Tự luận	90'	x		
3	Ứng dụng CAD trong thiết kế cơ khí cơ bản (CCK)	0201003066	Tiểu luận				
4	Ứng dụng CAD trong thiết kế cơ khí nâng cao (CCK)	0201003067	Tiểu luận				
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cơ lý thuyết (CNÔ)	0211000024	Tự luận	90'	x		
2	Dung sai - Kỹ thuật đo (CĐT)	0211000769	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Dung sai - Vẽ kỹ thuật (CNÔ)	0211001987	Tự luận	120'		x	
4	Nguyên lý - Chi tiết máy (CCK)	0211001253	Tự luận	90'	x		
5	Vật liệu học (CCK)	0211001194	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Vẽ kỹ thuật (CĐT)	0211001284	Tự luận	60'	x		
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Các phương pháp gia công cơ khí hiện đại (CCK)	0204002420	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Công nghệ chế tạo máy(CCK, CTM)	0204000778	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Ứng dụng CAD trong thiết kế cơ khí cơ bản (CTM)	0204003202	Tiểu luận				
2023 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Cơ lý thuyết (CNÔ)	0201000024	Tự luận	90'	x		
2	Sức bền vật liệu (CNÔ)	0201000141	Tự luận	90'	x		

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2024 - 2025
Khoa: ĐỘNG LỰC

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Lý thuyết gầm Ôtô (CNÔ)	0714001629	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Hệ thống điện và điện tử Ôtô (CNÔ)	0714001621	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Lý thuyết gầm Ôtô (CNÔ)	0714001629	Trắc nghiệm	60'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Điện kỹ thuật (CNÔ)	0714001359	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Điện tử cơ bản (CNÔ)	0714001620	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Động cơ đốt trong (CNÔ)	0714002075	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại (CNÔ)	0201001481	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0201000135	Tiểu luận				
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Hệ thống điện và điện tử ô tô (CNÔ)	0211001473	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Lý thuyết gầm ô tô (CNÔ)	0211001475	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Hệ thống điện và điện tử ô tô (CNÔ)	0204000062	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2024 - 2025
Khoa: MAY - THỜI TRANG

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Thiết kế mẫu trên máy tính (CNM)	0714002442	Tiểu luận				
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn lao động (CNM)	0714001056	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Thiết kế trang phục 1 (CNM)	0714000909	Tự luận	90'	x		
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Mỹ thuật trang phục (CNM)	0714002078	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Nguyên phụ liệu cắt may thời trang (CNM)	0714003718	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Thiết kế mẫu trên máy tính (CNM)	0714002442	Tiểu luận				
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Nguyên phụ liệu dệt may thời trang (CNM)	0211001994	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Thiết kế mẫu trên máy tính (CNM)	0211002442	Tiểu luận				
3	Thiết kế trang phục 1 (CNM)	0211000909	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Thiết kế tạo mẫu (CNM)	0204003622	Tự luận	90'		x	
2	Tổ chức và quản lý chất lượng trang phục may công nghiệp (CNM)	0204001525	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Vẽ kỹ thuật ngành may (CNM)	0204003623	Tự luận	90'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2024 - 2025
Khoa: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kỹ thuật hack (ANM)	0714002907	Tiểu luận				
2	Lập trình cơ sở dữ liệu (LTM)	0714002881	Thi trên máy tính	120'	x		
3	Lập trình Java (THU)	0714002859	Thi trên máy tính	90'	x		
4	Phần cứng và mạng máy tính (TKW)	0714002867	Trắc nghiệm online	60'		x	
5	Sửa chữa máy tính (CMT)	0714002919	Tiểu luận				
6	Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu (TKĐ)	0714002971	Tiểu luận				
7	Xử lý âm thanh (ĐHĐ)	0714002889	Tiểu luận				
2023 TRUNG CẤP (T2)							
1	Tin học (CNÔ)	0713002178	Thi trên máy tính	90'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kỹ thuật lập trình (CMT, LTM, QTM, THU, TKW)	0714002901	Tự luận	90'		x	
2	Nguyên lý tạo hình (TKĐ)	0714002872	Tiểu luận				
3	Thiết kế Web (ĐHĐ)	0714002929	Thi trên máy tính	120'	x		
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cơ sở dữ liệu (CMT, ĐHĐ)	0714002845	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử cơ bản (CMT)	0714003676	Trắc nghiệm online	60'		x	
3	Kỹ thuật lập trình (ANM, CMT, LTM, THU)	0714002901	Tự luận	90'		x	
4	Mạng máy tính và quản trị mạng (ANM)	0714002903	Trắc nghiệm online	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
5	Mỹ thuật cơ bản (ĐHĐ, TKĐ)	0714002829	Tiểu luận				
6	Nghệ thuật chữ (TKĐ)	0714002969	Tiểu luận				
7	Nghệ thuật trang trí (ĐHĐ, TKĐ)	0714003669	Tiểu luận				
8	Phần cứng và mạng máy tính (LTM, THU, TKW)	0714002867	Trắc nghiệm online	60'		x	
9	Tin học (ANM, CMT, ĐHĐ, LTM, NHQ, NNA, THU, TKĐ)	0714003675	Thi trên máy tính	90'		x	
10	Xử lý âm thanh (ĐHĐ)	0714002889	Tiểu luận				
11	Ý tưởng sáng tạo (ĐHĐ, TKĐ)	0714002871	Tiểu luận				

2022 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)

1	Giải pháp thương mại điện tử (E-commerce Solutions) (LTM)	0222003096	Tiểu luận				
2	Lập trình PHP (LTM)	0222002942	Tiểu luận				

2023 CAO ĐẲNG (C1)

1	Cơ sở dữ liệu (CMT, ĐHĐ, LTM)	0211002845	Tự luận	90'		x	
2	Kỹ thuật số (CMT)	0211002917	Trắc nghiệm online	60'		x	
3	Kỹ thuật viết kịch bản và biên tập phim (TKĐ)	0211003351	Tiểu luận				
4	Lập trình hướng đối tượng (LTM)	0211002999	Thi trên máy tính	120'	x		
5	Mạng máy tính và quản trị mạng (CMT)	0211002869	Trắc nghiệm online	60'		x	
6	Nghệ thuật chữ (TKĐ)	0211002969	Tiểu luận				
7	Nguyên lý tạo hình (TKĐ)	0211002872	Tiểu luận				
8	Phần cứng và mạng máy tính (ĐHĐ)	0211002867	Trắc nghiệm online	60'		x	
9	Thiết bị mạng (QTM)	0211003007	Tiểu luận				
10	Thiết kế Web (ĐHĐ, LTM)	0211003001	Thi trên máy tính	120'	x		
11	Thiết lập hệ thống mạng (QTM)	0211003008	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
12	Tin học (CCK, CĐT, ĐCN, ĐĐT, KXD)	0211002028	Thi trên máy tính	90'		x	
13	Trang trí 2 (TKĐ)	0211003021	Tiểu luận				
14	Ý tưởng sáng tạo (TKĐ)	0211002871	Tiểu luận				

2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)

1	An toàn mạng không dây và di động (ANM)	0204003189	Tiểu luận				
2	Kỹ thuật viết kịch bản và biên tập phim(ĐHĐ)	0204003589	Tiểu luận				
3	Lập trình Java (THU)	0204002859	Tiểu luận				
4	Lập trình PHP (THU)	0204002942	Tiểu luận				
5	Lập trình Web với Framework (TKW)	0204003595	Tiểu luận				
6	Lập trình Web với Laravel (LTM)	0204003602	Tiểu luận				
7	Linux căn bản (CMT)	0204002850	Trắc nghiệm online	60'		x	
8	Phân tích và thiết kế hệ thống (ANM, QTM)	0204000123	Tiểu luận				
9	Quản trị mạng nâng cao trên Linux (QTM)	0204003011	Tiểu luận				
10	Thiết kế quảng cáo (TKĐ)	0204003608	Tiểu luận				
11	Thiết kế sự kiện (TKĐ)	0204003196	Tiểu luận				
12	Xây dựng Website trên CMS (ĐHĐ)	0204003587	Trắc nghiệm	60'		x	

2023 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH DOANH NGHIỆP (C8)

1	Tin học (ĐCN)	0223002028	Thi trên máy tính	90'		x	
---	---------------	------------	-------------------	-----	--	---	--

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ





Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2024 - 2025
Khoa: KINH TẾ

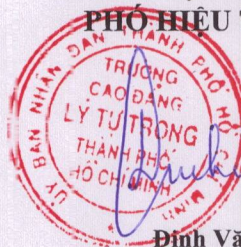
TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Khởi nghiệp kinh doanh thương mại điện tử (TMĐ)	0714002832	Tiểu luận		x		
2	Nghiệp vụ ngân hàng (TCD)	0714003394	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Quản trị xuất nhập khẩu (LGT)	0714002047	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Tài chính – tiền tệ (KTD)	0714001052	Tự luận	90'	x		
5	Thanh toán điện tử (TMĐ)	0714002876	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (QTD)	0714002346	Tự luận	90'		x	
7	Tin học ứng dụng tài chính ngân hàng (TCD)	0714003393	Thi trên máy tính	120'		x	
8	Vận tải đa phương thức (LGT)	0714002354	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Hành vi tổ chức (QTD)	0714001720	Tự luận	90'		x	
2	Hệ sinh thái thương mại điện tử (TMĐ)	0714002836	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kế toán tài chính 1 (KTD)	0714003333	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Marketing căn bản (QTD)	0714001100	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Marketing dịch vụ Logistics (LGT)	0714002041	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu (LGT)	0714002349	Tự luận	90'	x		
7	Quản trị học (KTD)	0714002090	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Quản trị kho hàng (LGT)	0714002235	Trắc nghiệm	60 '		x	
9	Quản trị Tài chính doanh nghiệp (TMĐ)	0714001724	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
10	Tâm lý kinh doanh (TMĐ)	0714002091	Trắc nghiệm	60'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Bảo hiểm vận tải (LGT)	0714003723	Tự luận	60'	x		
2	Chứng từ kế toán (KTD)	0714003722	Tự luận	90'		x	
3	Hành vi tổ chức (TMĐ)	0714001720	Tự luận	90'		x	
4	Kinh tế vi mô (KTD, LGT, TMĐ)	0714002450	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Kỹ thuật xếp dỡ và đóng gói (LGT)	0714003684	Tự luận	90'		x	
6	Logistics cơ bản (LGT)	0714003659	Tự luận	90'	x		
7	Marketing căn bản (KTD)	0714001100	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Marketing dịch vụ Logistics (LGT))	0714002002	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Nguyên lý kế toán (KTD, LGT, QTD)	0714003655	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Nhập môn Thương mại điện tử (TMĐ)	0714002822	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Pháp luật thương mại điện tử (TMĐ)	0714003121	Tự luận	90'	x		
12	Quản trị học (KTD, QTD, TMĐ)	0714003656	Trắc nghiệm	60'		x	
13	Quản trị tác nghiệp (QTD)	0714001543	Tự luận	90'		x	
14	Quản trị tài nguyên nhân sự (QTD)	0714000571	Tự luận	90'		x	
15	Quản trị văn phòng (QTD)	0714000447	Trắc nghiệm	60'		x	
16	Thuế (KTD)	0714003721	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (QTD)	0211002232	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Điều hành vận tải (LGT)	0211002350	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Kế toán doanh nghiệp (QTD)	0211001536	Trắc nghiệm	60 '		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
3	Kế toán tài chính 1 (KTD)	0211003259	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Khai báo hải quan điện tử (TMĐ)	0211002325	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Kinh tế vi mô (QTD)	0211001308	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Kinh tế vĩ mô (KTD)	0211002052	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Luật kinh tế (KTD)	0211002559	Tự luận	90'	x		
8	Marketing căn bản (KTD)	0211001314	Tự luận	90'		x	
9	Nghiệp vụ ngoại thương (LGT)	0211002459	Tự luận	90'		x	
10	Quản trị kho hàng (LGT)	0211002046	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Quản trị thương hiệu điện tử (TMĐ)	0211002834	Tiểu luận				
12	Quản trị thương mại điện tử (TMĐ)	0211003438	Tự luận	90'	x		
13	Soạn thảo văn bản (QTD)	0211001835	Tự luận	90'		x	
14	Thanh toán điện tử (TMĐ)	0211002876	Trắc nghiệm	60'		x	
15	Văn hóa doanh nghiệp (QTD)	0211002241	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Chiến lược kinh doanh trong thương mại điện tử (TMĐ)	0204003578	Trắc nghiệm	60'		x	
2	E-Logistics (LGT)	0204003326	Tự luận	60'	x		
3	Kế toán trên phần mềm Misa (KTD)	0204002486	Thi trên máy tính	90'		x	
4	Phân tích báo cáo tài chính (TCD)	0204003170	Tự luận	90'		x	
5	Quản lý và khai thác cảng (LGT)	0204003325	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Quản trị chất lượng (QTD)	0204002458	Tự luận	90'	x		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
7	Quản trị chuỗi cung ứng (QTD)	0204002176	Tự luận	90'	x		
8	Quản trị doanh nghiệp (TCD)	0204003167	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Quản trị dự án đầu tư (QTD)	0204002234	Tự luận	90'		x	
10	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng (LGT)	0204003324	Tự luận	90"	x		
11	Quản trị học (KTD)	0204002142	Trắc nghiệm	60'		x	
12	Quản trị Marketing (QTD)	0204002175	Tự luận	90'		x	
13	Quản trị rủi ro thương mại điện tử (TMĐT)	0204003126	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Quản trị tác nghiệp TMĐT B2B và B2C (TMĐT)	0204003579	Trắc nghiệm	60'		x	
15	Thị trường tài chính (KTD, TCD)	0204002487	Tự luận	90'	x		
16	Văn hóa doanh nghiệp (TMĐT)	0204002241	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2024 - 2025
Khoa: KHOA HỌC CƠ BẢN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Giáo dục Quốc phòng và An ninh (CCK, ĐCN, KLB, LTM)	0714003716	Tiểu luận				

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1.2024 - 2025
Khoa: NGOẠI NGỮ**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Tiếng Anh 1 (ANM, CCK, CĐT, CMT, CNM, CNÔ, ĐCN, ĐĐT, ĐHĐ, KLB, KML, KTD, KXD, LGT, LTM, NHQ, QDL, QNH, QTM, TCD, TKĐ)	0714002071	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh 2 (ANM, CCK, CĐT, CMT, CNM, CNÔ, ĐCN, ĐĐT, ĐHĐ, KLB, KML, KTD, KXD, LGT, LTM, NHQ, QDL, QNH, QTM, TCD, TKĐ)	0714002201	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh Thuyết trình (NNA)	0714002087	Vấn đáp	120'		x	
4	Tiếng Hoa (NNA)	0714002372	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Nghe Tiếng Hàn (NHQ)	0714003366	Tự luận	90'		x	
2	Nghe tiếng Nhật (NTN)	0714003381	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Ngữ pháp tiếng Hàn 2 (NHQ)	0714003367	Tự luận	90'		x	
4	Ngữ pháp tiếng Nhật 2 (NTN)	0714003382	Tự luận	90'		x	
5	Nói (NNA)	0714001699	Vấn đáp	120'		x	
2023 TRUNG CẤP (T5)							
1	Tiếng Anh 1 (ĐCN)	0718002071	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh 2 (ĐCN)	0718002201	Trắc nghiệm	60'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Âm vị và ngữ âm (NHQ)	0714003708	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Đọc 1 (NNA)	0714003704	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
3	Hán tự 1 (NTN)	0714003707	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Nghe 1 (QNH)	0714003710	Tự luận	90'		x	
5	Nghe 1 (NNA)	0714003702	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Nghe nói 1 (NTN)	0714003706	Vấn đáp	120'		x	
7	Ngữ pháp 1 (NHQ)	0714003709	Tự luận	90'		x	
8	Ngữ pháp 1 (NTN)	0714003705	Tự luận	90'		x	
9	Ngữ pháp Tiếng Anh 1 (NNA)	0714003701	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Nhập môn tiếng Nhật (NTN)	0714003654	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Nói 1 (NHQ)	0714003711	Vấn đáp	120'		x	
12	Nói 1 (NNA)	0714003703	Vấn đáp	120'		x	
13	Phát âm (NNA)	0714003700	Vấn đáp	120'		x	
14	Tiếng Việt Thực hành (NNA)	0714003699	Tự luận	90'		x	

2023 CAO ĐẲNG (C1)

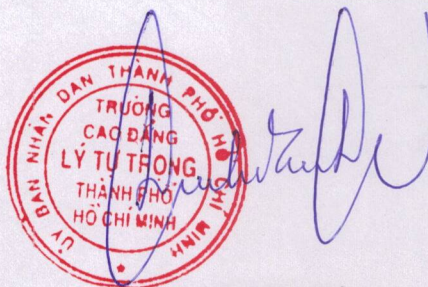
1	Ngữ pháp Tiếng Anh 2 (NNA)	0211002055	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh 1 (CCK, CĐT, ĐCN, ĐĐT, KTD, LGT, CNM, NTN, QNH, TMĐ)	0211002027	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh 2 (CCK, CĐT, ĐCN, ĐĐT, KTD, LGT, CNM, NTN, QNH, TMĐ)	0211002254	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Tiếng Anh 3 (CCK, CĐT, ĐCN, ĐĐT, KTD, LGT, CNM, NTN, QNH, TMĐ)	0211002259	Trắc nghiệm	90'		x	
5	Tiếng Anh Đàm phán (NNA)	0211001584	Trắc nghiệm	60'		x	

2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)

1	Tiếng Anh Kinh doanh nâng cao (NNA)	0204002723	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh Marketing (NNA)	0204002577	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Tiếng Anh 1 (CNÔ)	0201002027	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh 2 (CNÔ)	0201002254	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh 3 (CNÔ)	0201002259	Trắc nghiệm	90'		x	
4	Tiếng Anh 4 (CNÔ)	0201002495	Vấn đáp	120'		x	
2023 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH DOANH NGHIỆP (C8)							
1	Tiếng Anh 1 (ĐCN)	0223002027	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh 2 (ĐCN)	0223002254	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh 3 (ĐCN)	0223002259	Trắc nghiệm	90'		x	
4	Tiếng Anh 4 (ĐCN)	0223002495	Vấn đáp	120'		x	

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Văn Đệ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2024 - 2025
Khoa: DU LỊCH - KHÁCH SẠN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Chế biến bánh Việt Nam (KLB)	0714002526	Thực hành	180'		x	
2	Địa ý và tài nguyên du lịch (QDL)	0714002771	Tự luận	90'		x	
3	Marketing du lịch (KLB)	0714002551	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Nghiệp vụ nhà hàng trong quản trị khách sạn (QKS)	0714002980	Thực hành	180'		x	
5	Nghiệp vụ pha chế và phục vụ đồ uống trong nhà hàng (QNH)	0714002982	Thực hành	90'		x	
6	Nghiệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo (QDL)	0714002562	Thực hành	180'		x	
7	Phát triển sản phẩm mới (KLB)	0714002595	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Quản lý chất lượng dịch vụ (QDL)	0714002770	Tự luận	90'	x		
9	Quản trị khu du lịch (QNH)	0714002742	Tự luận	90'	x		
10	Quản trị tiệc trong nhà hàng (QNH)	0714002654	Tự luận	90'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Marketing du lịch (KLB)	0714002551	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Nghiệp vụ lễ tân (QDL)	0714002766	Thực hành	90'		x	
3	Nghiệp vụ pha chế và phục vụ đồ uống trong nhà hàng (QNH)	0714002982	Thực hành	180'		x	
4	Nghiệp vụ thanh toán trong khách sạn (QKS)	0714002865	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
5	Nghệp vụ tổ chức du lịch Mice (QDL)	0714002773	Thực hành	180'		x	
6	Phát triển sản phẩm mới (KLB)	0714002595	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Quản trị khu du lịch (QNH)	0714002742	Tự luận	90'	x		
8	Quản trị kinh doanh lữ hành (QDL)	0714002765	Tự luận	90'		x	
9	Tâm lý khách du lịch (QKS)	0714002278	Tự luận	90'		x	
10	Xây dựng thực đơn (QNH)	0714002566	Tự luận	90'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Địa lý và tài nguyên du lịch Việt Nam (QDL)	0714003661	Tự luận	90'		x	
2	Giao tiếp trong du lịch (QDL, QKS, QNH)	0714003689	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Marketing du lịch (QNH)	0714002551	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Nghệp vụ chế biến bánh tráng miệng (KLB)	0714003696	Thực hành	180'		x	
5	Nghệp vụ chế biến bánh Việt Nam (KLB)	0714003697	Thực hành	180'		x	
6	Nghệp vụ chế biến món ăn (QKS)	0714002738	Thực hành	180'		x	
7	Nghệp vụ nhà hàng (QNH)	0714003694	Thực hành	90'		x	
8	Nghệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo (QKS)	0714003692	Thực hành	180'		x	
9	Quản trị các dịch vụ giải trí (QDL)	0714003690	Thực hành	180'		x	
10	Quản trị tiệc (QNH)	0714003695	Tự luận	50'		x	
11	Tâm lý khách hàng (KLB, QKS, QNH)	0714003662	Trắc nghiệm	50'		x	
12	Thống kê du lịch (QDL)	0714002279	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
13	Thương phẩm và an toàn thực phẩm (KLB)	0714002527	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Tổng quan bếp bánh (KLB)	0714003666	Tự luận	90'		x	
15	Tổng quan du lịch (QDL, QKS)	0714002277	Tự luận	90'		x	
16	Tuyến điểm du lịch Việt Nam (QDL)	0714003691	Tự luận	90'	x		
17	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch (QKS)	0714003693	Thi trên máy tính	180'		x	
18	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch (QLH)	0714003356	Thi trên máy tính	180'		x	
19	Văn hóa ẩm thực (QDL, QKS)	0714002536	Tự luận	90'		x	
20	Văn hóa Việt Nam (QDL)	0714002282	Tự luận	90'		x	
21	Xây dựng thực đơn (QNH)	0714003664	Tự luận	90'		x	

2023 CAO ĐẲNG (C1)

1	Nghiep vụ nhà hàng (KLB)	0211002601	Thực hành	180'		x	
2	Nghiep vụ nhà hàng (QNH)	0211002736	Thực hành	180'		x	
3	Nghiep vụ nhà hàng trong quản trị khách sạn (QKS)	0211002636	Thực hành	90'		x	
4	Nghiep vụ pha chế và phục vụ đồ uống trong nhà hàng (QNH)	0211002648	Thực hành	180'		x	
5	Phát triển sản phẩm mới (KLB)	0211002595	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Quản trị tiệc trong khách sạn (QKS)	0211002640	Tự luận	90'		x	

2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)

1	Nghiep vụ tổ chức du lịch Mice (QDL)	0204002773	Tự luận	90'		x	
2	Quản trị nhà hàng (QNH)	0204003635	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
3	Quản trị buồng khách sạn (QKS)	0204003640	Tiểu luận				
4	Quản trị chất lượng dịch vụ (QKS)	0204003639	Tự luận	90'	x		
5	Quản trị kinh doanh lễ hành (QDL)	0204003645	Tự luận	90'		x	
6	Thiết kế và điều hành tour (QLH)	0204003311	Thực hành	90'		x	
7	Tiếng Anh chuyên ngành (QDL, QKS)	0204003569	Thực hành	180'		x	
8	Tổ chức bán chương trình du lịch (QLH)	0204003314	Thực hành	90'		x	
9	Ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà hàng (QNH)	0204003634	Thực hành	180'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2024 - 2025
Khoa: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (T5)							
1	Giáo dục chính trị (ĐCN)	0718001981	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Pháp luật (ĐCN)	0718001982	Trắc nghiệm	60'		x	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Giáo dục Chính trị (ANM, CCK, CMT, CNÔ, ĐHĐ, LTM)	0714003670	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Pháp luật (ANM, CCK, CĐT, CMT, CNÔ, ĐCN, ĐHĐ,LTM)	0714001065	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Pháp luật (CCK)	0201002396	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Giáo dục chính trị (các ngành)	0204002120	Trắc nghiệm	60'		x	

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Văn Đệ

